

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 16- 9- 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 21/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXX-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1958 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm NL, xã HT, huyện ĐH, TN.

2. Bị đơn: Chị Tô Thị Như Q, sinh năm 1987 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm VH, xã HT, huyện ĐH, TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Ngày 16/9/2020 chị Tô Thị Như Q có sang nhà bà trình bày hoàn cảnh khó khăn và hỏi vay bà 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hẹn 01 tháng sau trả, do là hàng xóm láng giềng tin tưởng nhau nên bà đồng ý cho chị Q vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Việc vay nợ trên được lập thành Hợp đồng vay tiền và được công chứng tại Văn phòng Công chứng A cùng ngày. Tuy nhiên, sau đó chị Q không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận, bà đã đòi nhiều lần nhưng tới nay chị Q mới trả được cho bà tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) còn lại 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) chưa trả.

Quá trình giải quyết vụ án, những nội dung chị Q nêu và việc chị Q trình bày đã trả cho bà tổng số tiền là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) là không đúng. Hai bên vay tiền có lập hợp đồng vay tiền và có công chứng chứng thực tại Văn phòng Công chứng A, mỗi lần chị Q trả tiền bà đều ghi lại vào sổ theo dõi, cộng tổng vào cho tới nay chị Q mới trả được cho bà 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), còn lại 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) chưa trả. Việc chị Q trình bày như trên chị Q cũng không có bất cứ tài liệu nào chứng minh. Do đó, tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Q phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), bà không yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

[2]. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án chị Tô Thị Như Q xác định:

Năm 2019 chị có mua đất của bà Nguyễn Thị Ng với giá 745.000.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng), chị đã đặt cọc 310.000.000 đồng, nhưng bà Ng cứ khất lần mãi không đưa Giấy chứng nhận QSD đất của gia đình bà Ng cho chị đi làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất. Sau đó, bà Ng tìm đủ mọi cách gây khó dễ không chịu đưa Giấy chứng nhận QSD đất để chị đi làm thủ tục trong khi chị đã thanh toán gần hết tiền đất, chỉ còn nợ lại 80.000.000 đồng. Sau đó, bà Ng kỳ kèo đòi tăng giá đất, do bà Ng đòi nhiều quá nên chị đã đồng ý sẽ cho thêm bà Ng 20.000.000 đồng để bà Ng đưa Giấy chứng nhận QSD đất cho chị đi làm thủ tục chuyển nhượng nếu không chị sợ để lâu sẽ phiền phức, khó khăn và hơn nữa chị cũng đang làm nhà lên trên mảnh đất đó. Tổng cộng cả số tiền đất chị còn nợ bà Ng và số tiền hứa cho thêm bà Ng là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bà Ng đã yêu cầu chị cùng xuống Văn phòng Công chứng Sông Cầu để làm Hợp đồng vay tiền rồi sau đó mới đưa Giấy chứng nhận QSD đất cho chị đi làm thủ tục. Do không muốn rắc rối nên chị đã đồng ý, hai bên đã ký hợp đồng vay tiền ngày 16/9/2020 tại Văn phòng công chứng Sông Cầu, trên hợp đồng vay xác định chị vay của bà Ng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Sau đó, chị đã trả được cho bà Ng tổng số tiền là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng). Trong đó: Ngày 16/9/2020 sau khi hai bên làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Sông Cầu, chị đã đưa cho bà Ng 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau đó chị cũng đã trả thêm cho bà Ng số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Tuy nhiên, tại thời điểm đó chị không nghĩ ngợi gì vì nghĩ đưa cho xong để bà Ng đưa Giấy chứng nhận QSD đất cho chị đi làm thủ tục cho êm xuôi nên chị không lập giấy tờ gì với bà Ng về nội dung chị vừa trình bày ở trên và về việc chị đã trả tổng số tiền nêu trên, vì vậy chị không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc chị đã trả cho bà Ng tổng số tiền là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng). Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), quan điểm của chị chỉ đồng ý trả cho bà Ng số tiền còn lại là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

[3]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 274, 275, 278, 280, 358, 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng, buộc chị Tô Thị Như Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng.

+ Về án phí: Buộc chị Tô Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Tô Thị Như Q phải trả số tiền đã vay còn nợ là 30.000.000 đồng, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng, trú tại: Xóm NL, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Tô Thị Như Q, địa chỉ: Xóm VH, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN trả số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết, vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa bị đơn chị Tô Thị Như Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Tô Thị Như Q.

[2]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tiền với bị đơn chị Tô Thị Như Q. Căn cứ vào hợp đồng vay tiền xác lập ngày 16/9/2020, chị Q đã vay của bà Ng số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Tuy nhiên, theo bà Ng trình bày tính đến nay chị Q mới trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng chưa trả mặc dù bà đã nhiều lần đòi. Chị Q xác định chị đã trả cho bà Ng tổng số tiền là 85.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bà Ng số tiền 15.000.000 đồng, không thừa nhận còn nợ bà Ng số tiền 30.000.000 đồng.

[2.1]. Xét Hợp đồng vay tiền: Ngày 16/9/2020 bên cho vay là bà Nguyễn Thị Ng (bên A) và bên vay là chị Tô Thị Như Q (bên B) được ký kết tại Văn phòng Công chứng A, địa chỉ: Tổ A, phường CH, thành phố TN, tỉnh TN với nội dung:

Số tiền vay: Bên A cho bên B vay số tiền là 100.000.000 đồng; bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng; Lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận; Thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 16/9/2020 đến ngày 16/10/2020.

Ngoài ra, hợp đồng còn xác lập các quyền và nghĩa vụ khác của hai bên. Hai bên đương sự đều thừa nhận có được giao kết Hợp đồng vay tiền với nội dung như trên và hợp đồng được Văn phòng công chứng Sông Cầu chứng nhận vào sổ công chứng số 5203, quyển số 3/2020-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/9/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 16/9/2020 giữa bà Ng và chị Q đã giao kết là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện theo đúng các nội dung đã được thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q cho rằng số tiền 100.000.000 đồng được xác lập tại Hợp đồng vay tiền ngày 16/9/2020 gồm có 80.000.000 đồng tiền mua đất chị còn nợ bà Ng và 20.000.000 đồng chị hứa trả thêm cho bà Ng tiền mua đất, sau đó hai bên giao kết Hợp đồng vay tiền trên, mục đích để bà Ng không gây khó khăn, đưa GCNQSD đất của bà cho chị đi làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất. Tuy nhiên, phía bà Ng không thừa nhận, chị Q cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, do đó không có cơ sở để xem xét.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy bà Ng có có quyền khởi kiện ra Tòa án buộc chị Q phải trả nợ là có căn cứ.

[2.2]. Về số tiền còn nợ: Chị Q cho rằng chị đã trả cho bà Nguyễn Thị Ng tổng số tiền là 85.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bà Ng số tiền 15.000.000 đồng, tuy nhiên chị Q xác định thời điểm trả tiền cho bà Ng chị chỉ đưa tiền mà không thiết lập giấy tờ gì giữa hai bên, do đó chị không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc mình đã trả cho bà Ng số tiền 85.000.000 đồng. Bà Ng chỉ thừa nhận chị Q đã trả cho bà tổng số tiền 70.000.000 đồng. Như vậy, số tiền còn có tranh chấp giữa chị Q và bà Ng là 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: không đủ căn cứ để xác định chị Q đã trả cho bà Ng số tiền 85.000.000 đồng, mà chỉ đủ căn cứ để xác định chị Q đã trả được cho bà Ng số tiền 70.000.000 đồng như bà Ng đã thừa nhận.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng buộc chị Tô Thị Như Q phải trả cho bà số tiền còn nợ lại của Hợp đồng vay tiền ngày 16/9/2020 là 30.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Tô Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275, 278, 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng. Buộc chị Tô Thị Như Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Buộc chị Tô Thị Như Q phải nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng, vắng mặt bị đơn chị Tô Thị Như Q. Báo cho bà Ng biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho chị Q biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: hồ sơ, bộ phận dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc